

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ trạm y tế đến cổng làng Thái Khang, đến nhà ông Quân (Côn), xã Thiệu Hòa của Ủy ban nhân dân xã Thiệu Hòa, huyện Thiệu Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 14/06/2023 của Hội đồng nhân dân xã Thiệu Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ trạm y tế đến cổng làng Thái Khang, đến nhà ông Quân (Côn), xã Thiệu Hòa;

Xét Văn bản số 10605/STNMT-BVMT ngày 14/11/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ trạm y tế đến cổng làng Thái Khang, đến nhà ông Quân (Côn), xã Thiệu Hòa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1678/Tr-STNMT ngày 11/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ trạm y tế đến cổng làng Thái Khang, đến nhà ông Quân (Côn), xã Thiệu Hòa (sau đây gọi là Dự án) của Ủy ban nhân dân xã Thiệu Hòa, huyện Thiệu Hóa (sau đây gọi là Chủ dự án)

thực hiện tại xã Thiệu Hòa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ trạm y tế đến công làng Thái Khang, đến nhà ông Quân (Côn), xã Thiệu Hòa của Ủy ban nhân dân xã Thiệu Hòa, huyện Thiệu Hóa thực hiện tại xã Thiệu Hòa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa, Chủ tịch UBND xã Thiệu Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (đề b/c);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ trạm y tế đến cổng làng
Thái Khang, đến nhà ông Quân (Côn), xã Thiệu Hòa, huyện Thiệu Hóa
của Ủy ban nhân dân xã Thiệu Hòa, huyện Thiệu Hóa

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ trạm y tế đến cổng làng Thái Khang, đến nhà ông Quân (Côn), xã Thiệu Hòa, huyện Thiệu Hóa.
- Địa điểm thực hiện: xã Thiệu Hòa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.
- Chủ dự án đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Thiệu Hòa
- + Người đại diện: Ông Lê Bá Hùng Chức vụ: Chủ tịch
- + Địa chỉ: xã Thiệu Hòa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- + Điện thoại: 0904.209.734

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

a. Phạm vi dự án:

Vị trí thực hiện dự án: xã Thiệu Hòa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Điểm đầu tuyến là Km0+00 vị trí trước cổng trạm y tế.
- Điểm cuối tuyến là Km0+934,69 vị trí nhà ông Quân.

b. Quy mô, công suất dự án:

Đầu tư nâng cấp, cải tạo tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại A (TCVN 10380:2014 - Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế); tốc độ thiết kế $V_{tk} = 30\text{km/h}$.

- Mặt cắt ngang điển hình, cụ thể như sau:

- + Chiều rộng nền đường: $B_{nền} = 7\text{m}$;
- + Chiều rộng mặt đường: $B_{mặt} = 6\text{m}$;
- + Chiều rộng lề đường: $BLề = 0,5 \times 2 = 1,0\text{m}$.

Công trình thoát nước thiết kế theo TCVN 7957 : 2008 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế.

a) Thoát nước dọc và nước mặt: Thiết kế hệ thống thoát nước dọc các đoạn qua khu dân cư

b) Công trình thoát nước ngang:

- Với các công cũ đang còn tốt chỉ thiết kế nôi. Các công cũ đã xuống cấp hoặc không đáp ứng đủ yêu cầu thoát nước cần thanh lý thiết kế mới.
- Tải trọng thiết kế H30 – XB80
- Tần suất lũ thiết kế $P=4\%$.
- Chiều dài cống bằng bề rộng nền đường, kết cấu công trình bằng bê tông, BTCT.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a. Giải phóng mặt bằng:

Tổng diện tích giải phóng mặt bằng dự án là 2.800 m² là đất trồng lúa 2 vụ.

b. Tuyến đường:

- Chiều dài tuyến đường: L=934,69m.

- Bề rộng nền đường $B_n = 7,0m$.

- Bề rộng mặt đường $B_m = 6,0m$.

- Kết cấu:

(1) Bình đồ, hướng tuyến: hướng tuyến cơ bản đi theo tim đường cũ để giảm thiểu tối đa khối lượng giải phóng mặt bằng.

(2) Cắt dọc:

Cao độ đường do được thiết kế trên cơ sở mặt đường hiện trạng. Độ dốc dọc theo tự nhiên. Độ dốc dọc nhỏ nhất $I_{min}=0\%$; độ dốc dọc thiết kế lớn nhất $I_{max}= 2.52\%$.

(3) Cắt ngang: Bề rộng nền $B_{nền} = 6,24-7,35m$; bề rộng mặt đường $B_{mặt} = 6m$; bề rộng lề đường, rãnh thoát nước (0,98)m. Độ dốc ngang mặt đường 2 mái im = 2%, Độ dốc lề đường ilê = 4%, taluy đắp nền 1/1,5m.

(4) Nền đường: Nền đường chủ yếu là nền đắp taluy mái đắp 1/1.5. Trước khi đắp nền đường cần tiến hành bóc toàn bộ nền mặt đường hiện trạng và bóc phong hoá đối với phạm vi mở rộng mặt đường. Đoạn tuyến đường qua ruộng từ Km0+00 đến Km0+681,06. Nền đường đắp được chia làm 2 loại. Đắp nền đường bằng đất đá thải độ chặt K95 đối với đắp nền lớp dưới chiều dày từ 0,5m -:- 1m, chiều dày mỗi lớp đắp trung bình từ 30cm. Đắp nền đường bằng đất đồi K95 đối với đắp nền lớp trên chiều dày từ 0,5m -:- 1,5m.

(5) Kết cấu mặt đường:

- Kết cấu mặt đường trên mặt rãnh tẩm đan BTXM chịu lực và trên mặt cầu BTXM: lớp bê tông nhựa C16 chiều dày 5cm, tưới nhựa dính bám TCN 0,5Kg/m², lớp lưới cốt sợi thủy tinh cường lực 100kN/m.

- Kết cấu mặt đường trên nền đường đắp: lớp bê tông nhựa C16 chiều dày 5cm, tưới nhựa dính bám TCN 0,5Kg/m², lán nhựa 1 lớp TCN 1.8Kg/m² dày 1.5cm, móng đá dăm tiêu chuẩn lớp trên dày 15cm, móng đá dăm tiêu chuẩn lớp dưới dày 18cm.

- Kết cấu vuốt nối đường ngang: lớp bê tông nhựa C16 chiều dày 5cm, tưới nhựa dính bám TCN 0,5Kg/m², lán nhựa 1 lớp TCN 1.8Kg/m² dày 1.5cm, móng đá dăm tiêu chuẩn lớp trên dày 15cm, móng đá dăm tiêu chuẩn lớp dưới dày 18cm.

- Kết cấu gia cố lề đường: Lớp bê tông xi măng M250 dày 15cm, lớp lót nilong tái sinh.

c. Thoát nước

Công trình thoát nước thiết kế theo TCVN 7957 : 2008 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế:

(1) Thoát nước dọc và nước mặt: Thiết kế hệ thống thoát nước dọc các đoạn qua khu dân cư.

(2) Công trình thoát nước ngang:

- Với các cống cũ đang còn tốt chỉ thiết kế nối. Các cống cũ đã xuống cấp hoặc không đáp ứng đủ yêu cầu thoát nước cần thanh lý thiết kế mới.

- Tải trọng thiết kế H30 – XB80

- Tần suất lũ thiết kế P=4% .

- Chiều dài cống bằng bề rộng nền đường, kết cấu công trình bằng bê tông, BTCT.

(3) Hệ thống thoát nước dọc tuyến:

- Đoạn rãnh phải tuyến từ Km0+690,96 – Km0+934,69; chiều dài L= 146m.

+ Rãnh dọc xây mới có kích thước BxH= 50x51cm, móng rãnh bằng BTXM M200 dày 10cm, lớp đá dăm đệm dày 10cm, thân rãnh bằng gạch bê tông không nung VXM M75 dày 22cm, trát mặt trong rãnh bằng VXM M75 dày 2cm, mũ mố bằng bê tông M200, tấm đan đúc sẵn BTCT M250 kích thước 100x72x15cm.

- Hồ ga thu nước: Khoảng cách giữa các hồ ga 25m/hồ; kết cấu hồ ga: Móng bằng BTXM M200 dày 10cm, lớp đá dăm đệm dày 10cm, thân hồ ga bằng gạch bê tông không nung VXM M75 dày 22cm, trát tường bằng VXM M75 dày 2cm, mũ mố bằng BTXM M200; tấm đan đúc sẵn BTCT M250 kích thước 116x72x15cm, giữa tấm đan bố trí tấm composite có kích thước 96x53x5cm.

(4) Rãnh chịu lực ngang đường:

Toàn tuyến có 01 vị trí rãnh chịu lực qua đường có kích thước b_{xh}=50x70cm. Kết cấu rãnh chịu lực: Thân rãnh bằng BTXM M200 dày 25cm, đáy rãnh bằng BTXM M200 dày 25cm, lớp đá dăm đệm móng dày 10cm, tấm đan đúc sẵn BTCT M250 kích thước 100x74x15cm.

(5) Cống tròn:

- Toàn tuyến có 3 vị trí lắp đặt cống tròn đường kính D75. Trong đó có 01 vị trí cống ngang đường và 02 vị trí cống tại nút giao với đường hiện trạng. Kết cấu Ống cống đặt trên lớp móng BTXM M200 đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Tường đầu, tường cánh và sân cống bằng BTXM M200 đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

(6) Tường kè đá học xây, gờ chắn phía ao:

- Tường kè đá học xây: tường kè bằng đá học xây VXM M100 dài 43m, kích thước thân tường 180x(40-85)cm, móng tường 145x(80-100)cm, lớp bê tông lót móng M100 dày 10cm; cọc tre gia cố đáy móng có đường kính từ 8-10cm, dài 2m, mật độ gia cố 20 cọc/m²; đỉnh tường kè bố trí thanh giằng bằng BTCT M250 kích thước 20x40cm.

- Gờ chắn bằng BTXM M200 có chiều dài 43m, kích thước gờ chắn 100x30x(20-30)cm, khoảng cách giữa các gờ chắn 50cm/ gờ chắn.

(7) Cầu bản KĐ=2m.

Kết cấu BTXM móng, thanh chống M200 đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Thân cầu BTXM M200, mố cầu BTCT M250, dầm bản BTCT M300, gờ chắn bánh BTCT M250#.

(8) Mương hoàn trả: Thiết kế mương hình thang. Bờ mương thiết kế bằng đất đắp tận dụng. Chiều dài mương hoàn trả L= 659,25m phải tuyến.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích 2.800m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Các tác động chính của dự án chỉ phát sinh chủ yếu trong giai đoạn xây dựng từ các hoạt động giải phóng mặt bằng, phát quang thực vật, san nền, thi công nền đường, mặt đường, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng... Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung...; tác động đến dân cư, nguồn nước và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh giai đoạn thi công:

3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 1,44 m³/ngày, Trong đó: nước thải rửa tay chân: 0,72 m³/ngày.đêm; nước vệ sinh: 0,576 m³/ngày.đêm. Nước thải từ quá trình ăn uống: 0,144 m³/ngày.đêm. Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần như chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform.

- Nước thải rửa thiết bị thi công hạng mục công trình, rửa xe ra vào công trình dự án có khoảng 5,4 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công có lưu lượng 89,47 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

Trong giai đoạn thi công xây dựng bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu, thi công nền đường, mặt đường, thi công cầu... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, SO₂, NO₂, hơi xăng,...

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Quy mô tính chất của chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 11,2kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Tổng khối lượng phát quang thực vật: 2,1 tấn.
- Tổng khối lượng vét bùn hữu cơ: 5.643,23 m³.
- Khối lượng phá dỡ nền đường cũ: 277,49 m³.
- Vật liệu rời như cát, đá...: 101,72 tấn.
- Sắt thép thừa, bao bì xi măng...khối lượng: 1,0172 tấn.

b. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khối lượng khoảng 5,0 kg/tháng. Thành phần bao gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa....

- Chất thải lỏng nguy hại phát sinh khoảng 49 lít/toàn bộ quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là dầu thải.

3.4. Các tác động khác:

a. Tác động do, tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

b. Các rủi ro, sự cố môi trường:

- Rủi ro, sự cố bom mìn tồn lưu;
- Rủi ro, sự cố tai nạn lao động;
- Rủi ro, sự cố cháy nổ;
- Rủi ro, sự cố cố ngộ độc thực phẩm;
- Rủi ro, sự cố do dịch bệnh.
- Tác động do chiếm dụng đất nông nghiệp.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn thi công:

4.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) lưu lượng 0,576m³/ngày: xử lý bằng 02 nhà vệ sinh di động tại khu lán trại. Kích thước của mỗi nhà vệ sinh là 2.500x1.300x1000 (mm) (bể chứa chất thải: 500 lít; bể chứa nước dự trữ: 200 lít). Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 01 ngày/lần) đem đi xử lý.

- Đối với nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân lưu lượng 0,72m³/ngày: đưa về hố lắng có V = 2,0m³ (kích thước: 2,0mx1,0mx1,0m) kết cấu bằng đất đầm chặt, phủ bạt nhựa HDPE xung quanh. Nước thải sau xử lý thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước thải từ quá trình ăn uống lưu lượng 0,144 m³/ngày đưa về bể tách dầu mỡ thể tích 1m³ (kích thước: 1m x 1m x 1 m) sau đó về hố lắng 2m³ xử lý chung với nước thải rửa tay chân, sau đó thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

Nước thải xây dựng thu gom về 01 bể lắng tại khu vực lán trại, dung tích 6,0 m³ (kích thước bể: 3,0m x 2,0m x 1,0m); kết cấu bằng đất đầm chặt, phủ bạt nhựa HDPE xung quanh. Nước thải sau khi qua hố lắng, dẫn vào hệ thống mương thoát nước chung của khu vực.

c. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:

- Dùng bạt che chắn khu vực tập kết nguyên vật liệu nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng...

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

- Trong điều kiện trời mưa, tạo các rãnh thoát nước tạm thời (rãnh có kích thước: rộng x sâu = 0,2m x 0,2m) tại những vị trí trũng thấp giúp nước mưa chảy tràn được thoát tốt hơn, tránh tình trạng ngập úng. Cuối mương, rãnh thoát nước bố trí các hố lắng (có thể tích khoảng 01 m³) để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi... khoảng cách giữa các hố dự kiến từ 30 - 40m/hố.

4.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, công nhân phải được bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý. Số lượng 2 bộ/người/quá trình thi công dự án.

- Đối với hoạt động đào đắp, hoạt động đổ thải, thực hiện trút đổ đến đâu, san gạt lu lèn đến đó để giảm bụi khuếch tán vào môi trường.

- Thường xuyên phun nước dập bụi tại khu vực thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu. Tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe, xe chở bùn thải phải được gia cố thùng xe bằng bạt HDPE.

- Bố trí khu vực rửa xe máy và thiết bị thi công dự án trước khi ra khỏi khu vực công trường tại khu vực cổng ra vào công trường.

- Tại các kho bãi chứa vật liệu xây dựng đặc biệt là nơi để xi măng, thực hiện che chắn cẩn thận nhằm hạn chế sự phát tán, bụi vào không khí khi có gió.

- Xử lý bụi cát bay: Khu vực chứa cát, đá xây dựng, xi măng sử dụng bạt phủ kín và phủ bạt kín sau mỗi lần lấy vật liệu.

- Trong quá trình thi công nguyên vật liệu cần tập kết đúng, trong phạm vi dự án theo bản vẽ thiết kế thi công.

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hoá tới mức tối đa, các máy móc thi công hiện đại và hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao nhằm hạn chế phát sinh bụi từ khí thải.

- Thường xuyên quét dọn tại vị trí thi công tuyến qua khu dân cư xã Thiệu Hòa, các nút giao khu dân cư và nút giao với các đường hiện trạng.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị 01 thùng đựng rác có nắp đậy (dung tích 90 lít/thùng) tại vị trí lán trại công nhân và khu vực công trường thi công. Sử dụng 01 xe đẩy rác bằng tay (dung tích 0,5 m³/xe) đặt tại khu vực cạnh lán trại công nhân để thu gom rác thải tập trung.

- Toàn bộ rác thải sinh hoạt, đơn vị thi công thuê đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng:

- Đối với thực vật phát quang (2,1 tấn): Hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường tại địa phương thu gom, vận chuyển về bãi xử lý rác thải tập trung.

- Đất vét bùn hữu cơ (5.643,23 m³) vận chuyển về bãi thải đường bờ cây Si cự ly vận chuyển 0,5km, diện tích khoảng 3.000m² để tận dụng vào việc trồng cây xanh hoặc đắp vào các bãi trồng màu của xã.

- Đối phá dỡ nền đường cũ (277,49 m³) vận chuyển về bãi thải đường bờ cây Si cự ly vận chuyển 0,5km, diện tích khoảng 3.000m².

- Đối với CTR xây dựng:

+ Xây dựng kế hoạch quản lý và sử dụng vật liệu xây dựng hợp lý; tránh để xảy ra rơi vãi vật liệu khi vận chuyển, tập kết không đúng vị trí quy định làm ảnh hưởng đến hoạt động thi công và môi trường xung quanh.

+ Đối với vật liệu rời như cát, đá...: 101,72 tấn, vận chuyển về bãi thải đường bờ cây Si cự ly vận chuyển 0,5km, diện tích **khoảng 3.000m²**.

+ Đối với sắt thép thừa, bao bì xi măng... có khối lượng khoảng 1,0172 tấn trong giai đoạn triển khai xây dựng... thu gom tập trung về khu vực lán trại công nhân để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

4.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Trang bị 02 thùng 60 lít đặt tại kho tạm trên công trường để thu gom lưu giữ chất thải rắn nguy hại theo quy định.

- Trang bị 01 thùng phuy (dung tích 200l) có dán nhãn mác, có nắp đậy (tại khu vực riêng rộng 10m²) để lưu giữ chất thải lỏng nguy hại theo đúng quy định.

- Khu vực chứa CTNH có mái che bằng tôn, tránh tác động từ điều kiện tự nhiên mưa, nắng...

- Hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển xử lý chất thải nguy hại sau khi kết thúc thi công.

4.5. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động khác

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn khi không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Vận hành các phương tiện có mức ồn lớn phải tránh vận hành cùng một lúc để không làm tăng nguồn ồn vượt giới hạn cho phép. Bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công.

- Lựa chọn các thiết bị thi công có độ rung thấp, đạt quy chuẩn về độ rung và đảm bảo an toàn cho các công trình hiện có của dự án.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông

- Chủ dự án và đơn vị thi công yêu cầu các chủ phương tiện vận chuyển vật liệu đảm bảo an toàn kỹ thuật cho phương tiện và thực hiện nghiêm túc quy định che chắn thùng xe, tốc độ di chuyển trên các tuyến đường... Trong trường hợp rơi vãi vật liệu xuống tuyến đường, chủ phương tiện phải có biện pháp thu dọn ngay tránh gây mất mỹ quan và nguy hiểm cho các phương tiện giao thông khác lưu thông trên tuyến đường.

c. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố tai nạn lao động

Để phòng ngừa, ứng phó với sự cố tai nạn lao động, trong quá trình thi công chủ dự án chỉ đạo đơn vị thi công thực hiện đầy đủ các biện pháp sau:

- Tổ chức hướng dẫn về an toàn lao động cho tất cả công nhân. Treo các nội quy về an toàn lao động, quy trình vận hành máy móc khu trên công trường.

- Trên công trường các khu vực thi công nguy hiểm, bảo vệ bằng rào chắn, cắm đầy đủ biển cảnh báo. Các khu vực thi công, đường giao thông nội bộ bố trí đèn chiếu sáng ban đêm.

- Trên công trường xây dựng các đơn vị thi công thực hiện nghiêm những quy định về an toàn và vệ sinh lao động theo TCVN 5308-91, an toàn về điện TCVN 4086-1995.

- Khi sử dụng các thiết bị thi công phải nắm rõ các yêu cầu an toàn kỹ thuật thiết bị và có đủ điều kiện, năng lực vận hành.

- Khi xảy ra sự cố tai nạn lao động nếu có người bị thương thực hiện sơ cứu tại công trường và nhanh chóng đưa bệnh nhân đến trung tâm y tế xã Thiệu Hòa hoặc cơ sở y tế gần nhất để thực hiện các bước cấp cứu và điều trị.

5. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.